

Số: 745/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của
Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH 15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;



Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kết quả rà soát phân vùng chi tiết rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và xây dựng bản đồ quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (cũ), thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện dự án cầu Mã Đà và các tuyến giao thông kết nối giữa tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai tại Tờ trình số 1642/TTr-KBT ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc đề nghị điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững và Báo cáo kết quả thẩm định số 91/BC-SoNNMT ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Phương án).

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:

“b) Mục tiêu cụ thể:

- Về môi trường:

+ Bảo vệ được sự nguyên vẹn diện tích rừng tự nhiên hiện có là 60.029,01 ha và diện tích khoanh nuôi, trồng mới tăng thêm hàng năm để tiếp tục duy trì ổn định độ che phủ rừng của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai đến năm 2030 từ 96,9% trở lên; nâng cao giá trị phòng hộ đầu nguồn cho sông suối, hồ đập thủy điện trong vùng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái khu vực.

+ Bảo vệ được số lượng quần thể, cá thể các loài động, thực vật rừng đặc hữu, nguy cấp, quý hiếm và các loài quan trọng khác thông qua các hoạt động bảo tồn, giám sát, cứu hộ và phát triển sinh vật; đồng thời kiểm soát được sự xâm lấn của các sinh vật ngoại lai xâm hại.

+ Tạo được sự kết nối với Vườn Quốc gia Cát Tiên để tạo hành lang đa dạng sinh học đủ lớn đảm bảo cho các loài động vật, đặc biệt là loài Voi Châu Á có một sinh cảnh phù hợp cho tồn tại và phát triển. Thí điểm được mô hình bảo tồn Voi và tránh xung đột giữa Người với Voi nhằm bảo vệ, phát triển quần thể Voi hoang dã đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; hạn chế thiệt hại về tài nguyên đa dạng sinh học và giảm thiểu các nguy cơ gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân đang sinh sống, canh tác trong và khu vực giáp ranh lâm phần Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai quản lý.

+ Thúc đẩy nhanh hơn quá trình phục hồi rừng cho 2.000 ha rừng tự nhiên thông qua hoạt động nuôi dưỡng rừng, góp phần nâng cao chất lượng rừng, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao trữ lượng các bon rừng, hỗ trợ đạt được mục tiêu của chương trình hành động quốc gia về giảm thiểu biến đổi khí hậu và các mục tiêu có liên quan khác.

- Về xã hội:

+ Thu hút, tạo việc làm cho hơn 10.000 lao động địa phương sống trong và giáp ranh Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai tham gia vào các hoạt động bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển du lịch sinh thái, góp phần ổn định cuộc sống.

+ Xuất bản được tài liệu giới thiệu đầy đủ về tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, lịch sử tại Khu Bảo tồn. Kết hợp với các hoạt động tuyên truyền hàng năm ở tất cả các thôn, xã nhằm nâng cao nhận thức cho người dân địa phương sống bên trong và giáp ranh Khu Bảo tồn về vai trò của rừng và tầm quan trọng của công tác bảo vệ rừng gắn với công tác bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử của địa phương.

+ Thực hiện các hoạt động của phương án sẽ góp phần nâng cao năng lực cho toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật của Khu Bảo tồn để quản lý có hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên và thực hiện thành công các hoạt động bảo vệ

rừng, bảo tồn. Từ đó, hạn chế đến mức thấp nhất các vụ vi phạm xâm hại tới tài nguyên rừng và đa dạng sinh học của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai.

- Về kinh tế:

+ Góp phần tăng thu nhập cho Khu Bảo tồn, tạo thu nhập cho các cộng đồng dân cư địa phương thông qua cung ứng dịch vụ môi trường rừng ổn định trên diện tích rừng được chi trả, kết hợp với bảo vệ, bảo tồn và phát triển rừng.

+ Khai thác các tiềm năng, lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa lịch sử, môi trường rừng và cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai thông qua phương thức tự tổ chức và cho thuê môi trường rừng. Phấn đấu đến năm 2030 lượng khách du lịch đến Khu Bảo tồn đạt 120.000 lượt khách/năm, trong đó khách có lưu trú đạt trên 12.400 lượt và khách tham quan đạt 111.600 lượt khách.

+ Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai từng bước chủ động được một phần kinh phí thông qua các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, tổ chức dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cho thuê môi trường rừng và hướng tới dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các bon rừng. Phấn đấu đến năm 2030 nguồn thu từ các hoạt động này đạt khoảng 100 tỷ đồng, từ đó từng bước giảm tỷ lệ ngân sách Nhà nước đầu tư.

+ Tạo ra môi trường nghiên cứu khoa học, học tập và hợp tác quốc tế để thu hút nguồn lực trong nước và quốc tế phục vụ bảo tồn và nâng cao năng lực.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 như sau:

“b) Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là 99.491,00 ha, giảm 1.080,57 ha so với hiện trạng năm 2020, trong đó:

- Đất rừng đặc dụng: 63.041,27 ha, giảm 126,46 ha so với quy hoạch năm 2020, gồm:

+ Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 11.508,87 ha, giảm 0,54 ha so với hiện trạng năm 2020 (*do cập nhật lại đường ranh giới giữa Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và Phân khu phục hồi sinh thái*).

+ Phân khu phục hồi sinh thái: 46.200,27 ha, giảm 103,44 ha so với hiện trạng năm 2020 (*chuyển vào Phân khu phục hồi sinh thái 70,52 ha; cập nhật lại đường ranh giới giữa Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và Phân khu phục hồi sinh thái tăng 0,54 ha; chuyển ra ngoài 3 loại rừng đối với các công trình, dự án đồng bộ với quy hoạch theo Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai là 155,60 ha; chuyển từ Phân khu phục hồi sinh thái sang Phân khu dịch vụ, hành chính đối với diện tích thuộc khu vực bảo vệ di tích lịch sử Căn cứ Ban An ninh miền Đông Nam Bộ giảm 3,03 ha; cập nhật*

lại đường ranh giới phù hợp giữa Phân khu phục hồi sinh thái và Phân khu dịch vụ, hành chính giảm 15,87 ha).

+ Phân khu dịch vụ hành chính: 5.332,13 ha, tăng 776,43 ha so với hiện trạng năm 2020 (chuyển từ Phân khu di tích lịch sử sang Phân khu dịch vụ, hành chính để đảm bảo phù hợp với quy định về các phân khu chức năng rừng đặc dụng của Luật Lâm nghiệp năm 2017 là 791,98 ha; chuyển từ Phân khu phục hồi sinh thái sang Phân khu dịch vụ hành chính đối với diện tích thuộc khu vực bảo vệ di tích lịch sử Căn cứ Ban An ninh miền Đông Nam Bộ là 3,03 ha; cập nhật lại đường ranh giới phù hợp giữa Phân khu dịch vụ, hành chính và Phân khu phục hồi sinh thái tăng 15,87 ha; chuyển ra ngoài 3 loại rừng đối với các công trình, dự án đồng bộ với quy hoạch theo Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai là 34,45 ha).

- Đất rừng sản xuất: 3.764,25 ha, giảm 972,47 ha so với quy hoạch năm 2020 (do cập nhật bổ sung quy hoạch chuyển ra ngoài đất lâm nghiệp đồng bộ với quy hoạch theo Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai).

+ Đất ngoài 03 loại rừng: 165,60 ha, tăng 18,36 ha so với quy hoạch năm 2020 (do cập nhật bổ sung quy hoạch chuyển từ đất, rừng đặc dụng và đất, rừng sản xuất ra ngoài ngoài đất lâm nghiệp theo Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai).

+ Vùng nước nội địa hồ Trị An: 32.519,88 ha.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Kế hoạch khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước cho hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp tại địa phương; cộng đồng dân cư

Tổ chức thực hiện phương án khoán theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ đối với diện tích hộ gia đình đang sử dụng đất trên lâm phần của Khu Bảo tồn là 4.586,47 ha, trong đó: Trên đối tượng rừng đặc dụng là 2.409,21 ha/975 hộ; trên đối tượng rừng sản xuất là 2.119,57 ha/1.107 hộ và ngoài 03 loại rừng là 57,69 ha/141 hộ. Đối với những diện tích giao khoán cho hộ dân thuộc Dự án Chiến khu Đ, sau khi hộ dân khai thác xong cây phụ trợ có trên lô, Khu Bảo tồn sẽ thanh lý hợp đồng giao khoán để trực tiếp quản lý, bảo vệ, đối với những diện tích giao khoán cho hộ dân thuộc các khu vực quy hoạch phát triển du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng và xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng theo quy hoạch Khu Bảo tồn sẽ phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện việc đền bù, hỗ trợ tài sản trên đất và thanh lý hợp đồng thu hồi đất theo tiến độ của các dự án được duyệt. Đối với những diện tích giao khoán cho hộ dân để sản xuất nông nghiệp theo Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ và các Nghị định, Quyết định khác ở khu vực quy hoạch rừng đặc dụng, sau khi rà soát đối với những hợp

đồng hết thời gian giao khoán, Khu Bảo tồn sẽ thanh lý hợp đồng để trực tiếp quản lý, bảo vệ và thực hiện trồng rừng theo quy định đối với rừng đặc dụng; đối với những hợp đồng chưa hết thời hạn giao khoán, lập phụ lục hợp đồng trồng bổ sung cây gỗ lớn vào diện tích đang sản xuất nông nghiệp theo mật độ quy định đối với rừng đặc dụng.

4. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học

a) Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

- Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng:

+ Kế hoạch xây dựng phương án quản lý bảo vệ rừng: xây dựng và thực hiện phương án quản lý bảo vệ rừng hàng năm theo quy định; xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện các đợt truy quét bảo vệ rừng hàng năm; tiếp tục duy trì các Trạm Kiểm lâm hiện có và tăng cường năng lực để thường xuyên tổ chức tuần tra, truy quét chống phá rừng tại các điểm nóng, vùng giáp ranh; hỗ trợ chi phí hoạt động xử lý vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp, Thủy sản; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác quản lý bảo vệ lâm sản ngoài gỗ vào mùa cao điểm hàng năm; thực hiện công tác xử lý, phát dọn thực bì trên tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng hiện hữu; đầu tư mua sắm bổ sung và sửa chữa, bảo dưỡng các loại công cụ, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao (công nghệ số, phần mềm, ảnh vệ tinh, máy flycam, laptop,...); tổ chức các đợt tuyên truyền nâng cao ý thức, nhận thức của người dân đối với công tác quản lý bảo vệ rừng; tổ chức vận động và thực hiện ký kết không khai thác lâm sản, săn bắn động vật trái phép với người dân xung quanh Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; xây dựng và sửa chữa, bảo trì các công trình phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng.

+ Kế hoạch xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng: xây dựng và thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm theo quy định; tổ chức cho lực lượng và nhân công phối hợp với nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ rừng của lực lượng kiểm lâm thường xuyên tuần tra, kiểm soát, trực phòng cháy chữa cháy rừng; hợp đồng thuê khoán nhân công bên ngoài trực phòng cháy chữa cháy rừng; tổ chức phát dọn đường băng cản lửa hàng năm; thường xuyên, chủ động triển khai các biện pháp đồng bộ về phòng cháy chữa cháy rừng và chế độ thường trực ngoài giờ vào mùa cao điểm; mua sắm bổ sung dụng cụ, phương tiện, trang thiết bị phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm; xây dựng và sửa chữa, bảo trì các công trình phòng cháy chữa cháy rừng; phối hợp với Công an, Chính quyền địa phương, các tổ chức, cụm dân cư, các câu lạc bộ xanh nhằm tuyên truyền Luật

Lâm nghiệp và các quy định Nhà nước đối với công tác phòng cháy chữa cháy rừng; họp, tổng kết, đánh giá hàng năm.

- Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng: điều tra tổng thể xác định thành phần loài, phân bố, đặc điểm sinh thái của loài sinh vật ngoại lai gây hại và đề xuất biện pháp kiểm soát và diệt trừ.

- Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, cứu hộ, tái thả động vật rừng và khu rừng có giá trị về sinh thái, môi trường, ý nghĩa về văn hóa, xã hội; điều tra, cập nhật danh mục thực vật rừng chu kỳ 10 năm và xác định phân bố các loài quý hiếm; quan trắc và theo dõi diễn biến quần thể của các loài Chà vá chân đen, Vượn đen má vàng và Bò tót; cải tạo sinh cảnh phục hồi môi trường sống cho các loài động vật hoang dã, quý, hiếm; làm vệ sinh các công bi, hồ chứa nước; bảo quản, xử lý mối mọt tại phòng tiêu bản; xây dựng mô hình thí điểm “Bảo tồn Voi và tránh xung đột giữa Người với Voi trên địa bàn quản lý”; điều tra, giám sát và xây dựng bộ tiêu bản các loài động vật hoang dã (chu kỳ 10 năm); giám sát, đánh giá một số loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm; xây dựng Vườn thực vật; xây dựng và thực hiện Vườn Bảo tồn và phát triển cây thuốc Quốc gia Nam bộ; mua sắm thiết bị phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học, bao gồm cả thiết bị và công nghệ hiện đại.

b) Kế hoạch phát triển rừng

Thực hiện trồng và chăm sóc rừng trồng thay thế là 771,33 ha; trồng bổ sung cây gỗ lớn bản địa trên những diện tích rừng trồng chưa đủ mật độ bằng nguồn vốn xã hội hóa là 90 ha; tổ chức sản xuất trên diện tích rừng, đất trồng rừng sản xuất là 145 ha; chăm sóc, trồng bổ sung, trồng dặm cây cảnh dọc tuyến đường 761 đoạn từ ngã ba Bà Hào đến xã Phú Lý và di dời cây cảnh dọc tuyến đường vào Trung tâm Sinh thái - Văn hóa - Lịch sử Chiến khu Đ dài 40 km; chăm sóc rừng trồng thuộc Dự án Quản lý và phục hồi nguồn nước lưu vực sông Đồng Nai do Tổ chức WWF tài trợ là 40,44 ha.

Ngoài ra, tiếp tục rà soát quỹ đất trống trong lâm phần quản lý có khả năng trồng rừng để tổ chức trồng rừng nâng cao tỷ lệ che phủ, góp phần bảo vệ môi trường sử dụng từ nguồn kinh phí trồng rừng thay thế của các chủ dự án nộp về Quỹ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Xây dựng cơ sở dữ liệu định danh Danh lục động, thực vật rừng của Khu Bảo tồn bằng phương pháp sinh học phân tử (ADN) nhằm phục vụ công tác bảo tồn”; cử cán bộ tham dự các khóa đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn về bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, theo dõi diễn biến rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng và các kỹ năng cần thiết khác; cử cán bộ tham dự đào tạo sau đại học về các chuyên môn liên quan.

d) Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Phát triển các điểm du lịch tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và dịch vụ có khả năng liên kết theo tuyến, theo chủ đề, tiếp cận theo sản phẩm du lịch và các hệ sinh thái, gồm 51 điểm: 11 điểm tại khu vực hồ Bà Hào; 17 điểm tại khu vực ven hồ Trị An; 03 điểm tại khu vực ven sông Bé; 13 điểm tại các khu vực riêng biệt; 07 điểm tại các khu vực ngoài quy hoạch 03 loại rừng.

- Phát triển các tuyến du lịch tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có sự hấp dẫn cao, đa dạng về sản phẩm và giao thông thuận lợi: 37 tuyến du lịch tại Khu Bảo tồn; các tuyến du lịch kết nối giữa Khu Bảo tồn với các điểm du lịch trên địa bàn vùng ven trong tỉnh, các trung tâm và thành phố lớn trong khu vực và các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ để thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

- Phương thức tổ chức thực hiện: tự tổ chức và liên kết với các tổ chức, cá nhân và cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Lập Đề án điều chỉnh, bổ sung Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn, giai đoạn 2021-2030 theo quy định tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ trình cấp thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

đ) Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và bảo tồn tài nguyên văn hóa

- Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học: đóng bảng ranh giới tại các vị trí ra vào phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; duy tu, sửa chữa mốc ranh giới hàng năm; xây dựng mới các trạm kiểm soát cửa rừng; xây mới các nhà Trạm Kiểm lâm; nâng cấp, sửa chữa các Trạm Kiểm lâm xuống cấp; xây dựng nhà trưng bày mẫu tiêu bản và diễn giải môi trường; xây dựng mới các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng và kết hợp phòng cháy chữa cháy rừng; duy tu, bảo dưỡng đường tuần tra bảo vệ rừng hàng năm (đường Hiếu Liêm; đường vào di tích Khu ủy miền Đông; đường vào di tích Trung ương cục miền Nam; Đường chiến khu Đ đi cầu số 9 đường Hiếu Liêm; đường Bà Hào - Rang Rang; đường 625, đường đồng 4, đường Bàu Điền, đường suối Trau, đường be 3.000, đường nhánh be 3.000, đường be Cây Nha, đường be Cây Sung, đường nhánh be Cây Sung, đường be trắng B, đường bờ đập hồ Trị An, và các đường mòn nội bộ trong Khu Bảo tồn); sửa chữa các cầu sắt trên tuyến đường Hiếu Liêm; nâng cấp các cầu sắt trên tuyến đường Hiếu Liêm bằng các cầu Bê tông cốt thép; sửa chữa, gia cố cống nước qua đường giao thông; Lắp đặt Trạm BTS và hệ thống điện (điện lưới và năng lượng mặt trời) phục vụ công tác

bảo vệ rừng; công tác quản lý, bảo vệ, vận hành các công trình xây dựng để bảo tồn loại Châu Á.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng gồm: làm mới và sửa chữa, bảo dưỡng băng cáp dự báo cháy rừng; làm mới và sửa chữa, bảo dưỡng băng tuyên truyền hàng năm; xây dựng tháp quan sát và canh lửa; tu bổ, sửa chữa chòi canh lửa; lắp đặt hệ thống biển cấm lửa; xây dựng các điểm lấy nước tại các suối phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng và điểm uống nước của động vật hoang dã; sửa chữa đập nước tại Trạm Kiểm lâm Suối Ràng, Trung ương Cục; gia cố, sửa chữa các điểm lấy nước cố định.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch: xây dựng đường ven hồ Bà Hào; xây dựng đường ven hồ Trị An; Đường nội bộ, đi dạo trong khu du lịch sinh thái, miệt vườn ven sông Bé; đường vào Trung tâm Cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật; cầu tàu du lịch gồm 3 điểm; hệ thống điện, thông tin liên lạc đến các điểm du lịch, di tích; tu sửa xưởng đũa và nhà làm việc lâm trường Vĩnh An; lập quy hoạch chung xây dựng khu du lịch quốc gia hồ Trị An.

+ Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: khu phức hợp, nghỉ dưỡng cao cấp; khu du lịch sinh thái ven hồ Bà Hào từ 1 đến 4; trung tâm Sinh thái - Văn hóa - Lịch sử Chiến khu Đ; hồ Sen; mặt nước hồ Bà Hào; thác Ràng; công viên đá; sinh cảnh Đồng 4; sinh cảnh Bàu Sắn; sinh cảnh Hồng Thập Tự; trung tâm cứu hộ động vật hoang dã; Vườn bảo tồn và phát triển cây thuốc Đông Nam bộ; khu vực ven sông bé từ 1 đến 3; du lịch sinh thái ven hồ Trị An từ 1 đến 17; văn phòng Khu Bảo tồn; vườn ươm và hồ vườn ươm; xưởng đũa và lâm trường Vĩnh An; Bến tàu số 1, 2; trung tâm thủy sản cũ và bến tàu; hồ Trị An và các đảo trên hồ; cơ sở vui chơi giải trí tại hồ Sen; điểm du lịch Trung ương Cục miền Nam; điểm du lịch Di tích Khu uỷ miền Đông.

+ Nâng cấp, duy tu và sửa chữa các tuyến đường: nâng cấp đường vào Trung ương Cục miền Nam; nâng cấp đường vào Di tích lịch sử Địa đạo Suối Linh; nâng cấp đường đi vào và xây dựng khu công viên đá Hiếu Liêm; tuyến đường be Trảng B; tuyến đường be Cây Sung, be nhánh cây sung, be Cây Gùi; tuyến đường be Cai nha; tuyến đường C3, Suối Trượng; tuyến đường be 15; tuyến đường be 7 Miên; tuyến đường vào ấp 6 xã Mã Đà; tuyến đường bờ đập hồ Trị An; các tuyến đường mòn nội bộ ven khu vực Bà Hào (đường be 15, đường hàng rào điện tử bảo vệ voi, đường vào các khu nghỉ dưỡng cao cấp hồ Bà Hào).

+ Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch sinh thái: xây dựng vườn thực vật và vườn dược liệu; xây dựng vườn ươm kiểu mẫu Đông Nam bộ; xây dựng công viên động vật hoang dã (Safari); đầu tư Công viên thể thao hàng không Đồng Nai; đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái miệt vườn cây ăn quả ven sông

Bé và cộng đồng; đầu tư hỗ trợ phát triển các trang cỏ; đầu tư hỗ trợ du lịch sinh thái ven hồ; khu phát triển môi trường, phúc lợi nghỉ dưỡng cao cấp.

+ Hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường: xử lý vật liệu nổ, hóa chất tại một số địa điểm trong Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn tài nguyên văn hóa: xây dựng Tháp biểu trưng “Trái đầu 03 cánh” tại Trung tâm Sinh thái – Văn hóa – Lịch sử Chiến khu Đ; xây dựng Công trình Biểu trưng Chiến khu Đ; khu nghĩa trang liệt sĩ Mã Đà; khu di tích chứng tích chiến tranh hóa học; phát triển văn hóa nghề truyền thống trên đảo; lập quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích tại Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; trùng tu tôn tạo di tích địa đạo Suối Linh.

e) Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng: thực hiện theo Dự án đầu tư vùng đệm được duyệt, trong đó ưu tiên sử dụng người dân địa phương tham gia vào các hoạt động bảo vệ rừng, bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học và phòng cháy chữa cháy rừng; hỗ trợ các hộ khó khăn phát triển sản xuất và xây dựng mô hình sinh kế bền vững. Tổ chức các lớp tập huấn khuyến nông, tập huấn lập kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, quản lý và xoay vòng vốn nhanh. Dịch vụ hỗ trợ tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và phát triển ngành nghề thông qua áp dụng công nghệ thông tin. Tổ chức hoạt động, sử dụng bền vững và chia sẻ lợi ích tài nguyên rừng và mặt nước hồ Trị An. Phát triển làng nghề thủ công mỹ nghệ tại cộng đồng dân tộc Chơ ro. Hỗ trợ phát triển các ngành nghề dịch vụ. Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người dân vùng đệm. Xây dựng trang Web giới thiệu sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản, du lịch cộng đồng vùng đệm.

g) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng

- Chi trả dịch vụ môi trường rừng: tiếp tục tổ chức rà soát, xác định bổ sung đối tượng chi trả dịch vụ môi trường rừng là các cơ sở sản xuất thủy điện; cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch, cơ sở sản xuất công nghiệp; tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn và các cơ sở nuôi trồng thủy sản sẽ được triển khai khi có văn bản quy định cụ thể của Chính phủ hoặc triển khai thí điểm.

- Định hướng các khu vực thuê môi trường rừng: xem xét đưa vào cho thuê môi trường rừng tại các khu rừng đặc dụng, rừng sản xuất thuộc lâm phần Khu Bảo tồn quản lý theo quy định của pháp luật, cụ thể: khu vực hồ Bà Hào với diện tích là 1.891,88 ha thuộc phân khu hành chính - Dịch vụ; khu nuôi động vật bán hoang dã (Safari) với diện tích diện tích 412,51 ha; khu vực Thác Ràng với diện tích là 18,04 ha; khu công viên đá với diện tích là 346,44 ha; khu vực Vườn bảo tồn và Phát triển cây thuốc quốc gia Đông Nam bộ với diện tích là 201,39

ha; khu vực ven sông Bé với diện tích là 1.892,87 ha; khu vực ven hồ Trị An với diện tích là 4.676,49 ha; khu vực Văn phòng Khu Bảo tồn với diện tích là 11,50 ha; khu vực Vườn ươm và hồ vườn ươm với diện tích là 33,80 ha; khu vực xưởng đũa và lâm trường Vĩnh An: diện tích là 5,78 ha; khu vực bến tàu số 1 với diện tích 25,39 ha; khu vực bến tàu số 2 với diện tích 8,15 ha; khu vực trung tâm thủy sản cũ và bến tàu với diện tích 2,67 ha; khu vực hồ Trị An và các đảo trên hồ với diện tích là 32.519 ha.

Ngoài ra, trong khu vực thuộc phân khu hành chính, dịch vụ và khu vực rừng sản xuất thuộc lâm phần của Khu Bảo tồn chưa nêu ở trên, nếu có tiềm năng có thể cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí khi đảm bảo các điều kiện theo quy định.

h) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

Lập kế hoạch và tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng tại xã vùng đệm Khu Bảo tồn, thuộc tỉnh Đồng Nai; xuất bản các ấn phẩm truyền thông tuyên truyền theo các chủ đề, sự kiện môi trường theo năm; tổ chức các hội nghị tuyên truyền và hội nghị tổng kết hàng năm; tổ chức các hội thi tìm hiểu, vẽ tranh cổ động về đa dạng sinh học, pháp luật, bảo vệ môi trường. Tiếp tục hoạt động truyền thông và giáo dục môi trường hàng năm.

i) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

Cập nhật, xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên đa dạng sinh học; sử dụng các thiết bị và công nghệ hiện đại để theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học hàng năm; xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ cho việc quản lý, theo dõi bằng công nghệ thông tin; cập nhật tài nguyên rừng, du lịch sinh thái vào trang web của Khu Bảo tồn; mua bản quyền phần mềm viễn thám, ảnh vệ tinh phục vụ công tác giám sát tài nguyên rừng và phát hiện sớm cháy rừng.

k) Quản lý, khai thác tổng hợp hồ Trị An

Tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm tra vùng đất bán ngập hồ Trị An và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định; phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản trong vùng nước hồ Trị An; triển khai thực hiện các dự án thành phần của Đề án "Quản lý, sắp xếp, ổn định vùng nuôi cá bè trên hồ Trị An"; sửa chữa phương tiện trên hồ; mua trang thiết bị phục vụ công tác cứu hộ cứu nạn."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 như sau:

"5. Tổng vốn đầu tư dự kiến trong giai đoạn 2026-2030 là 1.019.530 triệu đồng.

- a) Phân theo các hạng mục đầu tư
- Kế hoạch khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước 142 triệu đồng;
 - Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng 77.257 triệu đồng;
 - Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng 1.508 triệu đồng;
 - Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, cứu hộ, tái thả động vật rừng và khu rừng có giá trị về sinh thái, môi trường, ý nghĩa về văn hóa, xã hội 175.438 triệu đồng;
 - Kế hoạch phát triển rừng 63.358 triệu đồng;
 - Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực 2.690 triệu đồng;
 - Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí 21.500 triệu đồng;
 - Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và bảo tồn tài nguyên văn hóa 666.420 triệu đồng (trong đó: xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học 69.332 triệu đồng; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng 8.288 triệu đồng; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí 309.000 triệu đồng; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn tài nguyên văn hóa 279.800 triệu đồng);
 - + Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng 100 triệu đồng;
 - + Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng 2.700 triệu đồng;
 - + Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng 3.750 triệu đồng;
 - + Quản lý, khai thác tổng hợp hồ Trị An 4.667 triệu đồng.

b) Phân theo kỳ đầu tư

- Năm 2026: 126.638 triệu đồng;
- Năm 2027: 246.109 triệu đồng;
- Năm 2028: 277.288 triệu đồng;
- Năm 2029: 243.117 triệu đồng;
- Năm 2030: 126.378 triệu đồng.

c) Phân theo nguồn vốn

- Vốn ngân sách Nhà nước 606.833 triệu đồng (Bao gồm: Vốn sự nghiệp

104.620 triệu đồng; Vốn đầu tư phát triển 502.213 triệu đồng);

- Vốn từ dịch vụ môi trường rừng 112.211 triệu đồng;
- Vốn xã hội hóa và liên doanh liên kết, huy động của các nhà đầu tư 229.400 triệu đồng;
- Vốn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế 1.371 triệu đồng;
- Vốn khác 69.715 triệu đồng.

Tổng kinh phí thực hiện trong kỳ kế hoạch có thể thay đổi tùy thuộc vào khả năng bố trí vốn từ nguồn ngân sách Nhà nước, các nguồn thu hợp pháp của Khu Bảo tồn và nguồn huy động tài trợ khác (vốn xã hội hóa, vốn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, vốn khác) và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, các quy định hiện hành có liên quan của cấp thẩm quyền và các thỏa thuận với nhà tài trợ.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 như sau:

“6. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về tổ chức, nguồn nhân lực: thực hiện kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy đúng theo quy định, đảm bảo hoạt động, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao theo tinh thần, mục tiêu định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và phù hợp theo yêu cầu thực tế đặt ra. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng đào tạo chuyên sâu theo từng lĩnh vực để đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động của Phương án.

b) Giải pháp phối hợp với các bên liên quan: thiết lập cơ chế phối hợp với chính quyền địa phương trong tuyên truyền giáo dục bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tuyển dụng lao động làm các công việc dịch vụ về du lịch sinh thái, chăm sóc các loài động vật hoang dã,... Thiết lập cơ chế phối hợp, báo cáo tình hình quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, du lịch sinh thái với Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chi cục Kiểm lâm và các cơ quan chức năng liên quan. Xây dựng quy chế phối hợp với công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học giữa Khu Bảo tồn, Hạt Kiểm lâm với các ngành chức năng và chính quyền địa phương để tăng cường các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời, triệt để các đối tượng vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, đất đai, thủy sản nhằm răn đe, giáo dục và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, phát huy hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý bảo vệ rừng.

c) Giải pháp về khoa học công nghệ: tổ chức rà soát và nâng cấp, mua sắm trang thiết bị và xây dựng mới các hạng mục công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong khâu bảo tồn các loài động vật hoang dã,

phòng cháy chữa cháy rừng. Ứng dụng ảnh viễn thám, GIS, công nghệ thông tin trong điều tra rừng, quản lý tài nguyên rừng để đánh giá đúng diễn biến rừng, thay đổi đất đai.

d) Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư: ngoài nguồn vốn ngân sách Nhà nước được phân bổ, tổ chức kêu gọi đầu tư theo hình thức thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các khu vực phát triển du lịch và cho thuê môi trường rừng; hướng tới tiếp cận nguồn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng khi được triển khai. Tìm kiếm các nguồn vốn viện trợ của các tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư cho công tác bảo tồn và phát triển lâm nghiệp bền vững.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“1. Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai: Chịu trách nhiệm lập kế hoạch triển khai tổng thể các hoạt động của cả Phương án ngay sau khi được phê duyệt. Tổ chức thực hiện các nội dung đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy định hiện hành. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, phương án, dự án, hồ sơ thiết kế cho từng hạng mục cụ thể trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện: việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc chuyển loại rừng này sang loại rừng khác phải thực hiện đúng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn khác có liên quan. Định kỳ hàng năm, 05 năm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án về Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương, đơn vị có liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và chính quyền địa phương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý về đất đai, môi trường, đa dạng sinh học tại Khu Bảo tồn; giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng và hướng dẫn, tham mưu việc thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai; hướng dẫn, thẩm định nội dung cập nhật kế hoạch sử dụng đất của Phương án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã; thẩm định, phê duyệt các phương án QLBR, PCCCR hàng năm của Khu Bảo tồn.

3. Sở Tài Chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ tình hình ngân sách và nguồn vốn đầu tư công hàng năm, cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn để Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai triển khai thực hiện các nội dung của Phương án đạt hiệu quả, đúng quy định; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính. Phối hợp với Khu Bảo tồn và Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn



hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các giải pháp đẩy mạnh, thu hút các Nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại Khu Bảo tồn.

4. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý về lĩnh vực xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông; rà soát, đề xuất thực hiện danh mục các dự án hạ tầng giao thông quan trọng, hệ thống đường bộ trong Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai theo Phương án được duyệt; kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, định hướng phát triển sản phẩm du lịch; phát triển thị trường khách du lịch; hỗ trợ, hướng dẫn chủ rừng, các nhà đầu tư về hoạt động du lịch; hỗ trợ công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư và hợp tác phát triển du lịch giữa Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai với các khu, điểm du lịch trong và ngoài tỉnh; phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch theo giai đoạn và hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai nói riêng và nhu cầu tính toán nói chung. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đề nghị các cơ quan truyền thông phối hợp với Khu Bảo tồn tăng cường phối hợp công tác tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; mở các chuyên mục và tăng thời lượng đưa tin về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; đăng tin bài biểu dương người tốt, việc tốt trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và phê phán các hành vi vi phạm Luật lâm nghiệp, Luật Đất đai,... Đồng thời tăng cường công tác truyền thông, quảng bá tiềm năng, lợi thế về du lịch của Khu Bảo tồn nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung để thu hút các nhà đầu tư và truyền tải thông tin đến du khách.

6. Sở Công thương: Phối hợp với Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý, đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện cho các khu vực đầu tư phát triển, đặc biệt khu du lịch và di tích lịch sử; triển khai các chính sách khuyến công nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn trong khu vực phù hợp với định hướng phát triển của Phương án.

7. Ủy ban nhân dân các xã: Trị An, Phú Lý, Đắc Lua, Bàu Hàm, Thống Nhất, La Ngà, Thanh Sơn, Định Quán, Xuân Bắc

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường công tác thông tin,

tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đất đai và các quy định khác có liên quan để người dân hiểu và chấp hành; tổ chức cập nhật nội dung sử dụng đất của Phương án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã; đồng thời huy động lực lượng, chỉ đạo các phòng chuyên môn và cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn để phối hợp, hỗ trợ Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và bảo tồn đa dạng sinh học.” (Chi tiết tại Phương án Quản lý rừng bền vững và bản đồ được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kèm theo).

Điều 2. Giữ nguyên các nội dung khác đã được phê duyệt tại Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Trị An, Phú Lý, Đak Lua, Bàu Hàm, Thống Nhất, La Ngà, Thanh Sơn, Định Quán, Xuân Bắc và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan; Giám đốc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (kính báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (kính báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (kính báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KGVX, KTN.

(Khoa/Qddcpaqlrbenvung/20.01-22)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng

